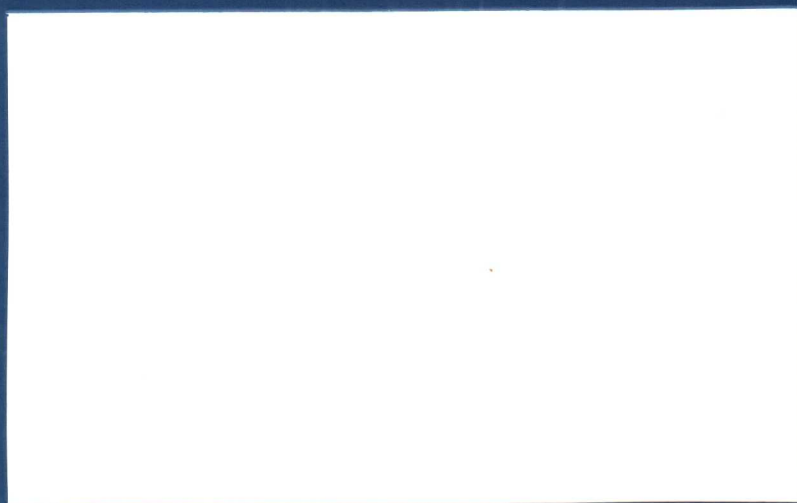


**Deloitte.**



Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống  
BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

350  
CỔ  
CỔ  
L  
G  
Đ  
U

12500  
CÔNG TY  
HỆM HỮU  
DỊCH VỤ  
NAM  
- TP.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Dũng  
Ông Đỗ Văn Cường

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2010)  
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2010)  
Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2010)

Ông Nguyễn Hữu Đức  
Ông Nguyễn Văn Bình

Ủy viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)  
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)  
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2010)

Ông Nguyễn Văn Đồng  
Ông Đỗ Đắc Thọ

Ủy viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)  
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)

Ông Hoàng Ngọc Tuyên  
Ông Tô Xuân Mai

Ủy viên  
Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Đức  
Ông Đỗ Đắc Thọ  
Ông Nguyễn Văn Bình  
Ông Hoàng Ngọc Tuyên  
Ông Tô Xuân Mai  
Ông Phạm Quốc Trung  
Ông Nguyễn Văn Hạnh  
Ông Mai Đình Bảo  
Ông Nguyễn Minh Ngọc

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)  
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2010)  
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2010)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)  
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Chữ ký và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Đức  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số: 406 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý:*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 28, Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, do đó số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 không phải là số liệu so sánh, được trình bày cho mục đích tham khảo.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 3 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Ngô Trung Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>515.463.716.384</b>	<b>454.878.032.393</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>62.897.348.356</b>	<b>58.824.640.141</b>
1. Tiền	111		62.897.348.356	58.824.640.141
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>289.061.958.387</b>	<b>209.753.609.343</b>
1. Phải thu khách hàng	131		25.977.480.882	33.916.242.338
2. Trả trước cho người bán	132		24.220.579.559	17.479.422.876
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	<b>6</b>	233.687.795.484	148.216.069.584
4. Các khoản phải thu khác	135		5.940.312.238	10.906.084.321
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(764.209.776)	(764.209.776)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>151.202.539.386</b>	<b>179.824.921.774</b>
1. Hàng tồn kho	141		151.202.539.386	179.824.921.774
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.301.870.255</b>	<b>1.474.861.135</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.209.551.372	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>8</b>	2.085.318.883	1.474.861.135
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>35.660.898.100</b>	<b>24.138.936.811</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.968.281.936</b>	<b>21.085.885.305</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	27.201.043.953	21.085.885.305
- Nguyên giá	222		51.704.871.711	46.335.507.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.503.827.758)	(25.249.622.557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>10</b>	794.679.089	-
- Nguyên giá	225		894.013.973	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(99.334.884)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	972.558.894	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.692.616.164</b>	<b>3.053.051.506</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	6.179.674.859	1.841.745.643
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>13</b>	353.062.305	1.161.305.863
3. Tài sản dài hạn khác	268		159.879.000	50.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>551.124.614.484</b>	<b>479.016.969.204</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>327.858.241.449</b>	<b>407.065.614.157</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>326.399.341.808</b>	<b>406.659.453.171</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	17.027.080.000	66.139.049.288
2. Phải trả người bán	312		169.889.595.303	86.244.719.313
3. Người mua trả tiền trước	313		118.714.029.685	175.352.612.734
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.554.588.047	10.314.538.383
5. Phải trả người lao động	315		8.126.103.060	7.880.361.510
6. Chi phí phải trả	316	16	3.637.059.565	27.593.303.158
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	5.519.259.268	33.007.541.905
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(68.373.120)	127.326.880
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.458.899.641</b>	<b>406.160.986</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	701.771.220	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	13	277.347.583	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		479.780.838	406.160.986
<b>B. NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>223.266.373.035</b>	<b>71.951.355.047</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>223.266.373.035</b>	<b>71.951.355.047</b>
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	69.010.575.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.266.373.035	2.940.780.047
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>551.124.614.484</b>	<b>479.016.969.204</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
Ngoại tệ các loại		
- USD	275,11	288,31



Nguyễn Hữu Đức  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Mai Đình Bảo  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ**Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009	
			2010	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	576.840.310.680	72.370.385.695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		576.840.310.680	72.370.385.695
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	531.004.985.556	65.681.004.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.835.325.124	6.689.381.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.442.829.111	60.176.599
7. Chi phí tài chính	22		5.766.107.256	386.795.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.853.489.978	386.795.790
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.208.585.554	2.686.041.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		27.303.461.425	3.676.720.220
11. Thu nhập khác	31		1.564.556.804	578.401.707
12. Chi phí khác	32		1.374.089.759	301.003.530
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		190.467.045	277.398.177
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.493.928.470	3.954.118.397
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	6.082.744.341	1.948.895.830
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	1.085.591.141	(935.557.480)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.325.592.988	2.940.780.047
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.099	426

Nguyễn Hữu Đức  
Tổng Giám đốcMai Đình Bảo  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009	
		2010	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.493.928.470	3.954.118.397
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.258.318.770	25.249.622.557
Các khoản dự phòng	03	73.619.852	764.209.776
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.442.829.111)	(59.887.869)
Chi phí lãi vay	06	2.853.489.978	386.795.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.236.527.959	30.294.858.651
(Tăng) các khoản phải thu	09	(88.906.115.368)	(211.110.803.638)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	28.622.382.388	(179.824.921.774)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	78.397.552.703	337.820.044.040
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	842.123.248	(1.841.745.643)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.714.467.541)	(386.795.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.807.081.172)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>46.670.922.217</b>	<b>(25.049.364.154)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	(10.540.794.246)	(46.335.507.862)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.442.829.111	59.887.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.097.965.135)</b>	<b>(51.275.619.993)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông	31	8.909.949.201	69.010.575.000
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	25.570.663.999	(2.023.793.228)
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.734.803.567)	68.162.842.516
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(246.058.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(39.500.248.867)</b>	<b>135.149.624.288</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4.072.708.215</b>	<b>58.824.640.141</b>
Tiền đầu năm/kỳ	60	58.824.640.141	-
Tiền cuối năm/kỳ	70	62.897.348.356	58.824.640.141

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 360.573.448 VND, là số tiền dùng để xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền công nợ đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hữu Đức  
Tổng Giám đốc

Mai Đình Bào  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 200.000.000.000 VND, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 719 (31 tháng 12 năm 2009: 721).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp: Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển, và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đô thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tày và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, do đó số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 không phải là số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm hiện tại.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2010</u> Số năm
Phương tiện vận tải	3

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc cho dự án tại Tiền Giang, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dụng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	135.371.243	3.034.943.857
Tiền gửi ngân hàng	62.761.977.113	55.789.696.284
	<b>62.897.348.356</b>	<b>58.824.640.141</b>

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán: Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải thu người bán và phải thu khác	233.687.795.484	148.216.069.584
	<b>233.687.795.484</b>	<b>148.216.069.584</b>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	576.436.751.021	172.032.882.201
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	342.748.955.537	23.816.812.617
	<b>233.687.795.484</b>	<b>148.216.069.584</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.442.267.405	892.771.259
Công cụ, dụng cụ	869.757.644	766.675.044
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	146.890.514.337	178.165.475.471
	<b>151.202.539.386</b>	<b>179.824.921.774</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>151.202.539.386</b>	<b>179.824.921.774</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tạm ứng	1.905.150.883	1.267.671.875
Cầm cố, ký cược ngắn hạn	180.168.000	140.640.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	66.549.260
	<b>2.085.318.883</b>	<b>1.474.861.135</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÔNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	6.558.264.458	30.248.998.542	5.099.518.717	4.428.726.145	46.335.507.862
Tăng do đầu tư, mua sắm	-	8.530.639.364	-	1.116.140.909	9.646.780.273
Tăng do định giá lại khi chuyển sang Công ty Cổ phần	-	399.827.840	-	-	399.827.840
Thanh lý, nhượng bán	(4.677.244.264)	-	-	-	(4.677.244.264)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.881.020.194</b>	<b>39.179.465.746</b>	<b>5.099.518.717</b>	<b>5.544.867.054</b>	<b>51.704.871.711</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	4.683.631.553	14.956.734.668	1.913.770.439	3.695.485.897	25.249.622.557
Khấu hao trong năm	257.740.332	5.574.278.905	699.945.756	627.018.893	7.158.983.886
Giảm do định giá lại khi chuyển sang Công ty Cổ phần	(280.801.966)	(3.175.163.127)	(338.175.418)	(797.259.161)	(4.591.399.672)
Thanh lý, nhượng bán	(3.313.379.013)	-	-	-	(3.313.379.013)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.347.190.906</b>	<b>17.355.850.446</b>	<b>2.275.540.777</b>	<b>3.525.245.629</b>	<b>24.503.827.758</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2010	533.829.288	21.823.615.300	2.823.977.940	2.019.621.425	27.201.043.953
Tại ngày 31/12/2009	1.874.632.905	15.292.263.874	3.185.748.278	733.240.248	21.085.885.305

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.267.857.454 VND (năm 2009: 3.137.631.854 VND).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2010	-
Thuê tài chính trong năm	894.013.973
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>894.013.973</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2010	-
Khấu hao trong năm	99.334.884
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>99.334.884</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2010	794.679.089
Tại ngày 31/12/2009	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BÊ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Theo Quyết định số 81/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí tại Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang tại xã Gia Thuận, thị xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang với tổng mức đầu tư là 607.850.729.446 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình này là 972.558.894 VND.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng ở Tiền Giang	26.250.000	-
Lợi thế thương mại	4.711.307.000	-
Chi phí trả trước về mua công cụ dụng cụ	1.442.117.859	1.841.745.643
	<b>6.179.674.859</b>	<b>1.841.745.643</b>

**13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Phân bổ lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	1.161.305.863	-	1.161.305.863
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(808.243.558)	(277.347.583)	(1.085.591.141)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>353.062.305</b>	<b>(277.347.583)</b>	<b>75.714.722</b>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(277.347.583)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	353.062.305	1.161.305.863
	<b>75.714.722</b>	<b>1.161.305.863</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	66.139.049.288
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	27.080.000	-
	<b>17.027.080.000</b>	<b>66.139.049.288</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư vay ngắn hạn bao gồm các khoản sau:

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 27/TDHM-NH/TD10 ngày 21 tháng 4 năm 2010 ký giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và PVFC. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VND, trong vòng 6 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2010. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, được PVC bảo lãnh và chịu lãi suất 17%/năm từ ngày 22 tháng 11 năm 2010 đến ngày 25 tháng 12 năm 2010, từ ngày 26 tháng 12 năm 2010, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn là 10.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0079/HDTD2-VIB622/10 ngày 5 tháng 5 năm 2010. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền đòi nợ phát sinh từ một số hợp đồng thi công xây dựng với khách hàng của Công ty, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 1 tháng/1 lần và được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút vốn là 7.000.000.000 VND, áp dụng mức lãi suất 16,5%/năm (theo khế ước nhận nợ ngày 19 tháng 11 năm 2010).

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.467.894.078	2.192.230.909
Thuế thu nhập cá nhân	86.693.969	259.821.001
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	7.862.486.473
	<b>3.554.588.047</b>	<b>10.314.538.383</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	3.014.545.856	26.600.640.367
Kinh phí phải nộp cấp trên	622.513.709	992.662.791
	<b>3.637.059.565</b>	<b>27.593.303.158</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.759.915.542	32.060.094.578
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân thu hộ	613.787.232	-
Kinh phí công đoàn	494.808.770	629.167.848
Phải trả khác	650.747.724	318.279.479
	<b>5.519.259.268</b>	<b>33.007.541.905</b>

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền 701.771.220 VND thể hiện khoản nợ dài hạn thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Camry 2.4G 5 ký với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.07.10/HĐCTTC-DK ngày 9 tháng 8 năm 2010. Giá trị tài sản thuê bằng 998.900.000 VND cộng (+) 100% thuế trước bạ. Công ty trả trước cho ACB Leasing số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê trong 3 tháng đầu tiên là 16%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho thuê bằng 5,1%/năm cộng (+) lãi suất tiền gửi tiết kiệm theo niêm yết của Ngân hàng Á Châu tại thời kỳ xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2. Thời hạn cho thuê là 36 tháng, kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2010. Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.080.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÉ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 12 năm 2009	-	-	-
Nhận vốn góp từ các cổ đông	69.010.575.000	-	69.010.575.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	2.940.780.047	2.940.780.047
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	69.010.575.000	2.940.780.047	71.951.355.047
Nhận vốn góp từ các cổ đông	130.989.425.000	-	130.989.425.000
Lợi nhuận trong năm	-	20.325.592.988	20.325.592.988
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<b>200.000.000.000</b>	<b>23.266.373.035</b>	<b>223.266.373.035</b>

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	50.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	19.010.575.000
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>69.010.575.000</b>

**20. DOANH THU**

	2010	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	576.436.751.021	72.333.010.099
Doanh thu hoạt động khác	403.559.659	37.375.596
	<b>576.840.310.680</b>	<b>72.370.385.695</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2010	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	530.713.297.945	65.649.076.984
Giá vốn hoạt động khác	291.687.611	31.927.301
	<b>531.004.985.556</b>	<b>65.681.004.285</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2010	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	27.493.928.470	3.954.118.397
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.839.731.589	99.235.000
<i>Trừ: Chênh lệch tính thuế của chi phí phân bổ lợi thể kinh doanh</i>	<i>1.109.390.333</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.839.731.589</i>	<i>99.235.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>28.224.269.726</b>	<b>4.053.353.397</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.056.067.432	1.013.338.349
Trích/(hoàn nhập) thuế thu nhập hoãn lại	(973.323.091)	935.557.481
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.082.744.341</b>	<b>1.948.895.830</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.325.592.988	2.940.780.047
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.492.724	6.901.058
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.099</b>	<b>426</b>

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Cam kết thuê hoạt động phản ánh khoản thuê mặt bằng sản xuất của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là khoản thuê 10.000 m<sup>2</sup> tại số 1738 đường 30/4, khu Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê 20.400 đồng/m<sup>2</sup>/năm để làm kho và xưởng cơ khí nhỏ, thời hạn thuê đến hết ngày 1 tháng 1 năm 2016. Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 là 185.454.545 VND.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	2010	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	124.487.076.527	1.486.100.858
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	116.274.496.105	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	110.597.749.167	-
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	76.290.208.466	4.370.241.310
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	59.182.267.324	26.931.870.438
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	37.966.419.294	26.253.833.152
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.967.139.497	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển - PVD	165.174.088	15.654.545

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2010	Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
<b>Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	45.591.893.626	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	15.090.957.763	249.323.810
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	14.608.704.112	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	11.905.587.238	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.924.608.172	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.412.584.230	-
Công ty TNHH Công nghiệp Khí hóa lỏng Việt Nam	1.994.289.375	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Đông	1.770.261.773	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	1.616.776.727	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	1.100.361.230	-
Viện Dầu khí Việt Nam	1.194.229.562	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển-PTSC	795.815.082	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu Khí	350.250.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	202.678.399	2.511.620.442
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	119.267.786	500.102.031
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	101.529.634	3.258.930.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí	15.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	-	43.086.812.114
Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	-	6.670.371.991
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	-	6.600.483.684
<b>Các chi phí dịch vụ khác</b>		
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	354.080.000	45.526.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	211.430.727	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	183.762.145	10.729.127
<b>Lãi vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.363.198.849	124.080.498
<b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm/kỳ</b>	<b>3.194.286.243</b>	<b>289.406.474</b>

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	9.922.558.926	15.385.832
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	4.796.570.775	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.846.510.715	2.651.374.291
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.255.106.211	123.084.550
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	1.432.842.790	1.432.842.790
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	384.965.684	384.965.684
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển	57.399.999	47.762.500
Tổng Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	-	24.883.933.573
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	3.145.585.628
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	1.723.363.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	31.151.082.989	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	10.139.500.833	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.596.768.209	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.993.483.717	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.915.011.256	35.257.557.929
Công ty Cổ phần Chế tạo Dàn khoan Dầu khí	2.653.842.654	
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Đông	1.902.242.050	4.333.924.652
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	1.236.779.723	-
Viện Dầu khí Việt Nam	651.420.934	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu Khí	385.275.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	-	525.634.024
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	3.421.876.710
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	-	4.730.000
<b>Người mua ứng trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	62.858.713.620	18.318.426.823
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	7.486.455.163	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	6.848.420.571	1.227.220
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	5.576.784.494	10.148.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.267.564.429	75.745.656.673
Ban Điều hành Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	1.211.525.000	1.734.415.000
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	-	870.605.213
<b>Trả trước người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	8.200.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	11.337.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	21.860.602
<b>Vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	26.560.132.444

**26. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 3 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- (i) Mức tạm ứng cổ tức năm 2010 là 800 VND/cổ phần bằng tiền mặt;
- (ii) Chuyển trụ sở Công ty từ Thành phố Vũng Tàu về Thành phố Hồ Chí Minh;
- (iii) Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên thành 500.000.000.000 VND. Theo đó, 30.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được đăng ký chào bán ra công chúng trong vòng 90 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận việc chào bán cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Trong đó, 1.000.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ, công nhân viên Công ty, 10.000.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và 19.000.000 cổ phiếu chào bán cho đối tác chiến lược. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của Công ty sẽ là 500.000.000.000 VND.
- (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho dự án Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí và dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, TP. Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2009, do đó số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 không phải là số liệu so sánh được trình bày cho mục đích tham khảo.



Nguyễn Hữu Đức  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Mai Đình Bảo  
Kế toán trưởng

